

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 – 35

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG

Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2020: 89.356.430.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3845 571
- Fax : (84) 0269 3842 106

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chè biến chế, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mùn cao su)...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018	
Ông Trịnh Đình Trường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Phạm Văn Cường	Thành viên	11/09/2018	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	11/09/2018	
Ông Trịnh Văn Công	Thành viên	13/04/2019	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	20/05/2020	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trịnh Thị Vân	Trưởng ban	20/05/2020	
Bà Lê Thị Vinh	Thành viên	14/09/2018	20/05/2020
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Thành viên	20/05/2020	

4.3 Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng	16/08/2019	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	11/09/2018
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc	14/09/2018

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2021





Số: 13/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.4 “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, trong năm Công ty có cho Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai vay số tiền 16.900.000.000 đồng. Các khoản cho vay này dưới hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2021



Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES

Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Lê Thị Thanh Kim - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		88.217.517.592	78.199.362.741
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.186.997.426	2.078.063.176
111	1. Tiền		4.186.997.426	2.078.063.176
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		64.549.092.494	63.334.873.249
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	21.399.697.852	24.570.709.928
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	21.210.328.250	23.310.994.200
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	16.900.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	5.051.621.897	15.453.169.121
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.555.505)	-
140	IV. Hàng tồn kho		18.934.836.933	11.574.145.581
141	1. Hàng tồn kho	V.6	18.951.649.333	11.574.145.581
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(16.812.400)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		546.590.739	1.212.280.735
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	55.329.162	148.980.449
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		201.013.201	481.448.803
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	290.248.376	581.851.483
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.640.924.492	73.036.249.552
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		25.933.100	33.423.900
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	25.933.100	33.423.900
220	II. Tài sản cố định		57.861.775.669	64.436.679.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	57.825.013.169	64.436.679.932
222	- Nguyên giá		151.717.020.405	151.431.868.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(93.892.007.236)	(86.995.188.576)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	36.762.500	-
228	- Nguyên giá		66.172.500	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.410.000)	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.749.114.583	3.542.988.019
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	V.10	1.749.114.583	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	-	3.542.988.019
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.004.101.140	5.023.157.701
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	4.004.101.140	5.023.157.701
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		151.858.442.084	151.235.612.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		58.847.769.152	58.855.875.576
310	I. Nợ ngắn hạn		57.767.412.386	57.589.675.008
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	1.838.869.982	1.254.516.577
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	459.067.200	2.651.136.594
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.002.576.244	-
314	4. Phải trả người lao động	V.15	413.527.331	490.107.848
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	3.263.854.417	5.202.995.265
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17a	49.981.969.163	47.183.370.675
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		807.548.049	807.548.049
330	II. Nợ dài hạn		1.080.356.766	1.266.200.568
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	290.960.376	278.804.178
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.17b	789.396.390	987.396.390
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		93.010.672.932	92.379.736.717
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	93.010.672.932	92.379.736.717
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		89.356.430.000	89.356.430.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		89.356.430.000	89.356.430.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.654.242.932	3.023.306.717
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.023.306.717	1.221.776.913
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		630.936.215	1.801.529.804
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		151.858.442.084	151.235.612.293

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	70.451.858.611	92.943.131.340
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.451.858.611	92.943.131.340
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	60.750.038.871	82.398.794.665
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.701.819.740	10.544.336.675
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.306.834.616	3.488.552.374
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.943.197.272	3.206.021.140
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.862.469.919	3.133.990.314
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	3.353.643.917	2.654.614.566
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	4.811.939.598	6.252.186.542
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		899.873.569	1.920.066.801
31	11. Thu nhập khác	VI.7	30.624.527	4.586.977
32	12. Chi phí khác	VI.8	293.891.046	67.349.655
40	13. Lợi nhuận khác		(263.266.519)	(62.762.678)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		636.607.050	1.857.304.123
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	5.670.835	55.774.319
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		630.936.215	1.801.529.804
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	71	202
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	71	202

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG



Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

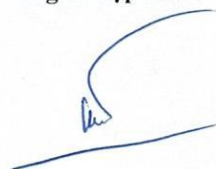
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		75.348.286.313	67.577.330.251
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(53.043.805.636)	(80.060.471.122)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.264.623.835)	(6.868.015.070)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.862.469.919)	(3.162.645.774)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.14	12.934.224.891	800.108.102
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.023.980.372)	(1.488.847.665)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		15.087.631.442	(23.202.541.278)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(285.151.897)	(6.327.013.202)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	55.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(16.900.000.000)	(1.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.607.237.426	675.384.554
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.577.914.471)	(5.596.174.103)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	94.119.958.968	82.138.576.844
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(91.519.360.480)	(52.735.307.863)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.600.598.488	29.403.268.981
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)		2.110.315.459	604.553.600
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.078.063.176	1.473.810.427
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.381.209)	(300.851)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	V.1	4.186.997.426	2.078.063.176

Người lập biểu



LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mù cao su),....

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dịch bệnh COVID-19 diễn ra vào cuối năm 2019 và kéo dài trong năm 2020 đã có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, giá cả phê giảm mạnh nên năm 2020 Công ty tạm thời không kinh doanh cà phê thu mua.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 86 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 5
Vườn cây lâu năm	20

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán lẻ, cà phê

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.244.261.393	1.948.495.870
Tiền gửi ngân hàng	2.942.736.033	129.567.306
+ VND	1.894.789.206	111.799.077
+ USD	45.523,32 # 1.047.946.827	774,06 # 17.768.229
Cộng	4.186.997.426	2.078.063.176

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	12.500.000.000	14.336.900.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai	12.500.000.000	14.336.900.000
Phải thu các khách hàng khác	8.899.697.852	10.233.809.928
- Các hộ mua phân bón	3.749.265.871	-
- Khan Aziz Umar Kail Ltd Jalalabad Afganistan	1.937.507.075	4.509.455.938
- Sarfaraz Kouchi Co, Ltd	1.201.847.320	2.481.081.250
- Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai	-	3.230.000.000
- Các đối tượng khác	2.011.077.586	13.272.740
Cộng	21.399.697.852	24.570.709.928

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	21.082.900.000	23.286.000.000
- Công ty CP Cà phê Gia Lai (*)	21.082.900.000	23.286.000.000
Trả trước cho người bán khác	127.428.250	24.994.200
- Trần Kim Nhon	70.000.000	-
- Công ty TNHH Bao bì giấy Nam Việt	45.375.000	-
- Các đối tượng khác	12.053.250	24.994.200
Cộng	21.210.328.250	23.310.994.200

(*) Khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty cà phê Gia Lai theo hợp đồng nguyên tắc số 02/HDNT/2019-FGL/BHG để mua cà phê nhân xô.

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cho vay với các bên liên quan	16.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	16.900.000.000	-
Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác	-	-
Cộng	16.900.000.000	-

Cho Công ty CP Chè Biển Hồ vay theo các hợp đồng sau:

- + Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 03/03/2020. Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay 6,5%/năm.
- + Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 28/05/2020. Số tiền vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay 08 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay 6,5%/năm.
- + Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/06/2020. Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay 8,5%/năm.
- + Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2020. Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay 8,5%/năm.
- + Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2020. Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất vay 7%/năm.

Các khoản cho vay này không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác****a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	4.339.667.898	-	14.838.516.153	-
- Công ty CP Cà phê Gia Lai				
Tiền lãi cho vay, lãi nhận tiền ứng trước	4.322.177.233	-	2.777.815.983	-
Tạm ứng	-	-	12.027.610.000	-
- Ông Trịnh Đình Trường				
Các khoản khác	17.490.665	-	33.090.170	-
	711.953.999	-	614.652.968	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu các hộ trồng chè, trồng cà phê	711.953.999	-	351.299.688	-
Tạm ứng CBCNV	-	-	226.300.000	-
Phải thu khác	-	-	37.053.280	-
Cộng	5.051.621.897	-	15.453.169.121	-

b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các hộ trồng chè, cà phê	25.933.100	-	33.423.900	-
Cộng	25.933.100	-	33.423.900	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	291.590.047	-	158.594.749	-
Công cụ, dụng cụ	596.717.985	-	770.359.413	-
Chi phí SXKD dở dang	2.618.254.270	-	-	-
Thành phẩm (*)	14.393.148.931	(16.812.400)	10.645.191.419	-
Hàng hóa	1.051.938.100	-	-	-
Cộng	18.951.649.333	(16.812.400)	11.574.145.581	-

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (*) là giá trị chè đã qua chế biến, cà phê nhân xô tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3128
CHI
ÔNG
MTOA
HUA
DA
CHAU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn****a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	50.000.000	54.545.455
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.329.162	94.434.994
Cộng	<u>55.329.162</u>	<u>148.980.449</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	148.980.449	124.601.500
Tăng trong năm	4.810.952.525	240.750.043
Phân bổ trong năm	(4.904.603.812)	(216.371.094)
Số dư cuối năm	<u>55.329.162</u>	<u>148.980.449</u>

b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	2.937.411.556	3.316.432.396
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	76.269.383	870.791.821
Hệ thống Quản lý chất lượng ISO	21.012.838	49.029.958
Chi phí sửa chữa TSCĐ	969.407.363	786.903.526
Cộng	<u>4.004.101.140</u>	<u>5.023.157.701</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu năm	5.023.157.701	4.222.626.513
Tăng trong năm	3.651.548.226	1.598.650.049
Phân bổ trong năm	(4.670.604.787)	(798.118.861)
Số dư cuối năm	<u>4.004.101.140</u>	<u>5.023.157.701</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	41.954.559.534	7.071.326.815	1.274.063.677	68.497.454	101.063.421.028	151.431.868.508
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-	-
Đ/tư XDCB h/thành	98.105.000	-	187.046.897	-	-	285.151.897
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	42.052.664.534	7.071.326.815	1.461.110.574	68.497.454	101.063.421.028	151.717.020.405
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	50.031.632	1.980.718.008	601.072.000	68.497.454	2.804.037.177	5.504.356.271
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.551.785.499	3.850.969.621	1.002.750.312	64.590.606	52.525.092.538	86.995.188.576
Khấu hao trong năm	1.144.327.697	786.341.999	75.961.324	3.906.848	4.886.280.792	6.896.818.660
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	30.696.113.196	4.637.311.620	1.078.711.636	68.497.454	57.411.373.330	93.892.007.236
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.402.774.035	3.220.357.194	271.313.365	3.906.848	48.538.328.490	64.436.679.932
Số cuối năm	11.356.551.338	2.434.015.195	382.398.938	-	43.652.047.698	57.825.013.169

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	66.172.500	66.172.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	66.172.500	66.172.500
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Tăng khác	7.352.500	7.352.500
Khấu hao trong năm	22.057.500	22.057.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	29.410.000	29.410.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	36.762.500	36.762.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí đầu tư kiến thiết vườn chuối ban đầu	1.749.114.583	-
Cộng	1.749.114.583	-

11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển tăng TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	3.542.988.019	-	-	3.542.988.019	-
- Chi phí đầu tư kiến thiết vườn chuối ban đầu	3.542.988.019	-	-	3.542.988.019	-
Cộng	3.542.988.019	-	-	3.542.988.019	-

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>1.838.869.982</i>	<i>1.254.516.577</i>
- Công ty TNHH Xây dựng cơ điện Quốc Thanh	500.000.000	1.074.000.000
- Các hộ bán chè xanh	1.174.755.082	-
- Các hộ bán cà phê	137.110.900	-
- Các đối tượng khác	27.004.000	180.516.577
Cộng	1.838.869.982	1.254.516.577

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>459.067.200</i>	<i>2.651.136.594</i>
- Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai	-	2.600.000.000
- Zia Habibi LTD	459.043.200	-
- Các đối tượng khác	24.000	51.136.594
Cộng	459.067.200	2.651.136.594

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	220.694.194	5.670.835	-	-	215.023.359
Thuế thu nhập cá nhân	-	234.690.401	278.618.271	89.509.441	-	45.581.571
Thuế nhà đất	-	29.511.936	-	-	-	29.511.936
Tiền thuê đất	-	96.823.442	5.535.891.174	4.439.078.733	999.988.999	-
Các loại thuế khác	-	-	5.587.245	3.000.000	2.587.245	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	131.510	113.689.079	113.689.079	-	131.510
Cộng	-	581.851.483	5.939.456.604	4.645.277.253	1.002.576.244	290.248.376

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	636.607.050	1.857.304.123
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	3.783.150.506	4.445.700.537
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(2.172.405.694)	(2.560.160.735)
- Hoạt động kinh doanh khác	(974.137.762)	(28.235.679)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	2.015.264.939	77.069.142
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.015.264.939	77.069.142
+ Chi phí không hợp lý	2.003.836.989	77.069.142
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.427.950	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.651.871.989	1.934.373.265
- Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế	5.166.736.291	4.445.700.537
- Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế	(1.707.842.586)	(2.483.091.593)
- Hoạt động kinh doanh khác	(807.021.716)	(28.235.679)
Thu nhập được miễn thuế	5.166.736.291	4.445.700.537
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(2.514.864.302)	(2.511.327.272)
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ	-	-
Chi phí thuế TNDN truy thu kỳ trước	5.670.835	55.774.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>5.670.835</u>	<u>55.774.319</u>

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả người lao động	413.527.331	490.107.848
Cộng	<u>413.527.331</u>	<u>490.107.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác****a. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/20	01/01/20
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	3.263.854.417	5.202.995.265
Kinh phí công đoàn	-	2.107.408
Quỹ khen thưởng (*)	1.088.088.381	1.088.088.381
Lãi vay phải trả (**)	568.365.822	568.365.822
Các khoản phải trả khác	1.607.400.214	3.544.433.654
- Các hộ nhận khoán chè	-	890.476.600
- Các hộ trồng cà phê liên doanh	-	1.000.000.000
- Phải trả Nhà nước (***)	1.607.400.214	1.653.957.054
Cộng	3.263.854.417	5.202.995.265

(*) Theo quy định tại khoản 3 điều 8 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính:

“Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện quản lý và chi theo đúng quy định. Số dư còn lại (nếu có) công ty cổ phần mới kế thừa và tiếp tục sử dụng.”

Công ty có kế hoạch sẽ chi số tiền này trong năm 2021 cho các đối tượng là người lao động đã làm việc tại Công ty kể từ thời điểm trước ngày 14 tháng 09 năm 2018.

(**) Là chi phí lãi vay phải trả Liên Hiệp Chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan từ giai đoạn Nhà nước. Theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thì số tiền nợ phải trả (cả gốc và lãi vay) nếu được xóa nợ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

(***) Là khoản phải trả Nhà nước về việc điều chỉnh phần vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty CP Chè Biển Hồ.

b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	290.960.376	278.804.178
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	290.960.376	278.804.178
Cộng	290.960.376	278.804.178

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn bên liên quan (1)	7.634.800.000	7.634.800.000	-	-
- Ông Trịnh Đình Trường	6.285.000.000	6.285.000.000	-	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	1.349.800.000	1.349.800.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (2)	42.347.169.163	42.347.169.163	47.183.370.675	47.183.370.675
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	42.347.169.163	42.347.169.163	47.183.370.675	47.183.370.675
Cộng	49.981.969.163	49.981.969.163	47.183.370.675	47.183.370.675

(1) Vay không có tài sản đảm bảo các thành viên quản lý chủ chốt để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2020-2021 với lãi suất 0,7%/tháng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký kết từng hợp đồng vay vốn.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng Số 5000 - LAV-202001159 ngày 17 tháng 12 năm 2020. Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2020-2021; thời hạn vay và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay hiện tại là 8,4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đây là khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định số 438/QĐ-HĐTV-TD ngày 08 tháng 05 năm 2017 và quy định số 204/QĐ-HĐTV-TD ngày 24 ngày 04 năm 2020 của Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	789.396.390	789.396.390	987.396.390	987.396.390
- Liên hiệp Chè Việt Nam	789.396.390	789.396.390	789.396.390	789.396.390
- Ông Phạm Văn Cường	-	-	198.000.000	198.000.000
Cộng	789.396.390	789.396.390	987.396.390	987.396.390

- Khoản vay dài hạn theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô- Ba Lan giữa Tổng công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biển Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01 tháng 04 năm 1989.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch TG hồi đoái	Lợi nhuận ST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	89.356.430.000	-	1.221.776.913	90.578.206.913
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.801.529.804	1.801.529.804
Tăng trong năm	-	38.619.445	-	38.619.445
Giảm trong năm	-	(38.619.445)	-	(38.619.445)
Số dư tại 31/12/2019	89.356.430.000	-	3.023.306.717	92.379.736.717
Số dư tại 01/01/2020	89.356.430.000	-	3.023.306.717	92.379.736.717
Lợi nhuận trong năm	-	-	630.936.215	630.936.215
Tăng trong năm	-	11.427.950	-	11.427.950
Giảm trong năm	-	(11.427.950)	-	(11.427.950)
Số dư tại 31/12/2020	89.356.430.000	-	3.654.242.932	93.010.672.932

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp (%)	31/12/2020	Tỷ lệ vốn góp (%)	01/01/2020
- Cổ đông Nhà nước	0,00%	-	0,00%	-
- Cổ đông khác	100,00%	89.356.430.000	100,00%	89.356.430.000
+ Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	51,00%	45.571.779.300	51,00%	45.571.779.300
+ Trịnh Quang Hưng	13,85%	12.373.980.000	13,85%	12.373.980.000
+ Trịnh Đình Trường	11,01%	9.833.800.000	11,01%	9.833.800.000
+ Trịnh Quang Vinh	8,01%	7.153.420.000	8,01%	7.153.420.000
+ Lê Thị Thanh Tình	6,71%	6.000.000.000	6,71%	6.000.000.000
+ Các cổ đông khác	9,43%	8.423.450.700	9,43%	8.423.450.700
Cộng	100%	89.356.430.000	100%	89.356.430.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	89.356.430.000	89.356.430.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	89.356.430.000	89.356.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.935.643	8.935.643
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu thường	8.935.643	8.935.643
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	3.023.306.717	1.221.776.913
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	630.936.215	1.801.529.804
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>3.654.242.932</u>	<u>3.023.306.717</u>

19. Khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dolla Mỹ (USD)	45.523,32	774,06

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.451.858.611	92.943.131.340
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	14.227.193.106	4.171.863.770
Doanh thu bán thành phẩm chè, cà phê, chuối	54.697.373.136	86.858.117.161
Doanh thu cung cấp dịch vụ tươi tiêu	1.469.548.881	1.913.150.409
Doanh thu khác	57.743.488	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	70.451.858.611	92.943.131.340

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	13.987.419.105	4.160.472.886
Giá vốn thành phẩm chè, cà phê, chuối	45.390.969.545	76.815.888.018
Giá vốn dịch vụ tươi tiêu	1.354.837.821	1.422.433.761
Dự phòng giảm giá HTK	16.812.400	-
Cộng	60.750.038.871	82.398.794.665

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.151.598.676	3.453.200.537
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	155.235.940	35.351.837
Cộng	3.306.834.616	3.488.552.374

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.862.469.919	3.133.990.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	69.299.403	33.411.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ	11.427.950	38.619.445
Cộng	3.943.197.272	3.206.021.140



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	616.889.453	537.634.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.736.754.464	2.116.979.760
Cộng	<u>3.353.643.917</u>	<u>2.654.614.566</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	182.793.817	188.862.079
Chi phí nhân viên quản lý	2.947.589.572	4.003.461.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.044.744	368.242.936
Thuế, phí và lệ phí	164.979.972	22.813.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.886.766	358.334.778
Chi phí bằng tiền khác	1.019.644.727	1.310.471.053
Cộng	<u>4.811.939.598</u>	<u>6.252.186.542</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhập kho củi cây che bóng mát bị khô	28.080.000	-
Xử lý công nợ	2.544.527	4.586.977
Cộng	<u>30.624.527</u>	<u>4.586.977</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bồi thường cho khách hàng	126.775.000	-
Giá trị còn lại TSCĐ	-	27.669.513
Tiền phạt vi phạm hành chính	113.689.079	2.642.142
Các khoản khác	53.426.967	37.038.000
Cộng	<u>293.891.046</u>	<u>67.349.655</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	630.936.215	1.801.529.804
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	630.936.215	1.801.529.804
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	8.935.643	8.935.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	71	202

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	630.936.215	1.801.529.804
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	630.936.215	1.801.529.804
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.935.643	8.935.643
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	202

11. Cổ phiếu lưu hành bình quân

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.935.643	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	8.935.643
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.935.643	8.935.643

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.545.222.030	29.813.393.561
Chi phí nhân công	12.982.392.224	12.766.014.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.918.876.160	7.317.700.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.903.327.018	4.635.916.951
Chi phí khác bằng tiền	4.927.785.231	1.786.648.814
Cộng	<u>61.277.602.663</u>	<u>56.319.675.021</u>

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	94.119.958.968	82.138.576.844
Cộng	<u>94.119.958.968</u>	<u>82.138.576.844</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(91.519.360.480)	(52.735.307.863)
Cộng	<u>(91.519.360.480)</u>	<u>(52.735.307.863)</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	226.500.000	259.500.000
Thù lao	226.500.000	259.500.000
Cổ tức	-	-
Ban Tổng Giám đốc	749.040.000	835.825.000
Tiền lương	749.040.000	835.825.000
Cổ tức	-	-
Ban kiểm soát	84.000.000	79.000.000
Thù lao	84.000.000	79.000.000
Cổ tức	-	-
Cộng	1.059.540.000	1.174.325.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai	Cùng Công ty mẹ
Ông Trịnh Đình Trường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Kế toán trưởng

Giao dịch với các bên liên quan khác:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ (Cà phê)	-	12.974.000.000
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ (Phân bón, vật tư)	46.752.325	1.181.669.000
- Mua hàng, dịch vụ (Cà phê nhân xô)	-	3.780.000.000
- Cho vay	16.900.000.000	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay ngắn hạn	18.449.800.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	1.649.800.000	-
+ Ông Trịnh Đình Trường	16.800.000.000	-
- Trả gốc vay ngắn hạn	10.815.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	300.000.000	-
+ Ông Trịnh Đình Trường	10.515.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.500.000.000	14.336.900.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.082.900.000	23.286.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	4.322.177.233	2.063.320.133
Phải thu về cho vay	16.900.000.000	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	7.634.800.000	-
+ Ông Trịnh Đình Trường	6.285.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	1.349.800.000	-

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh chè, cà phê nhân xô và bán hàng hóa phân bón, hồ tiêu.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh do trình bày lại số liệu

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

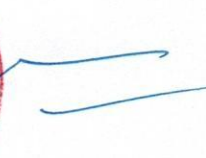
5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 22 tháng 03 năm 2021



LÊ BÁ HIẾU
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH TÙNG
Kế toán trưởng

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG
Tổng Giám đốc